

Số: 72/2024/QĐST-HNGĐ

Phù Cù, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Mai Thanh T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: thôn B, xã Ph, huyện P, tỉnh H.

2. Chị An Thị S, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: thôn T, xã G, huyện Y, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Thanh T và chị An Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện P, tỉnh H nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2024 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Gia đình, bạn bè hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Anh T, chị S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thống nhất thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh T, chị S.

[2] Về con chung: Anh T, chị S không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị S đều khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh T, chị S đều khẳng định không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về công sức, ruộng cấy: Anh T, chị S đều khẳng định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị S thỏa thuận anh Tuyên chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

[7]. Ngày 22/8/2024, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Anh T, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[8]. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Thanh T và chị An Thị S tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, chị S không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh T, chị S đều khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh T, chị S đều khẳng định không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức, ruộng cấy: Anh T, chị S đều khẳng định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị S thỏa thuận: Anh T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu việc hôn nhân và gia đình, đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001275 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu việc hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tuấn